

Bản án số: 45/2024/HS-PT
Ngày: 11 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Thị Bích Hạnh, ông Võ Hoàng Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Minh Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 11/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo Đào Minh Q, Nguyễn Nhựt T, Phạm Huỳnh Hữu T1, Nguyễn Thanh N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2024/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đào Minh Q, sinh ngày: 28/3/2002; tại: Huyện P, Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Quốc K và bà Lê Thị Diễm P; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2023 đến ngày 17/7/2023 cho bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại. (vắng mặt)

2. Nguyễn Nhựt T, sinh ngày: 01/12/2003; tại: Quận C, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc P1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2023 đến ngày 28/6/2023 cho bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

3. Phạm Huỳnh Hữu T1, sinh ngày: 16/12/2002; tại: Huyện P, Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T3 và bà Huỳnh Thị N1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2023 đến ngày 28/6/2023 cho bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại (có mặt)

4. Nguyễn Thanh N; sinh ngày: 20/12/2003; tại: Thị xã L, Hậu Giang; nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nơi ở hiện nay: Khu V, Phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh Đ và bà Trần Thị Kim C; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/7/2023 đến ngày 07/9/2023 cho bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- Các bị cáo không có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T4, sinh ngày: 14/7/2005; tại: Huyện P, Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T5 và bà Châu Thị T6; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/5/2023 đến ngày 01/10/2023 cho bảo lãnh. (có mặt)

2. Lê Hoàng D, sinh ngày: 13/5/2003; tại: Huyện P, Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T7 và bà Võ Thị M; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 25/6/2023, tạm giam từ ngày 27/6/2023 đến ngày 01/11/2023 cho bảo lãnh; hiện đang chấp hành án tại Trại giam C1. (có mặt)

3. Huỳnh Ngọc M1, sinh ngày: 03/02/2006, tại: Huyện P, Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định) và bà Huỳnh Ngọc N2; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/7/2023 đến ngày 01/10/2023 cho bảo lãnh. (có mặt)

- *Người bào chữa*: Ông Lê Kim B, là Luật sư của Trung tâm Tư vấn pháp luật - Hội Luật gia thành phố C bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nhựt T. (có mặt)

- *Người làm chứng*: Nguyễn Châu T8, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

Ngoài ra trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Văn N3, Lê Hải Đ1, Nguyễn Phát T9, Phạm Bùi Quang Á, Huỳnh Phước T10, Đinh Hoàng V, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh N và Đào Minh Q có xảy ra mâu thuẫn với nhau về việc N cho rằng Q lừa đảo mình số tiền ngoại tệ khoảng 2.700 USD nên nhờ Tô Thanh T11 kiếm người đứng ra nói chuyện với Q, mục đích để lấy lại số tiền trên.

Khoảng 23 giờ, ngày 12/02/2023, Tô Thanh T11 gọi điện thoại cho Đinh Hoàng V nói việc N có xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc với Q, T11 kêu V nói chuyện với Q để giải quyết, V kêu T11 đưa số điện thoại của mình cho N để N liên lạc, lúc này V đang ở nhà trọ V1 thuộc ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang cùng với Huỳnh Phước T12, bị cáo Phạm Bùi Quang Á và T13 (Bạn gái của Á chưa rõ lai lịch).

Khoảng 15 phút sau, N gọi cho V hỏi “Anh Văn hả”, V nói “Có chuyện gì không” N nói “Em chuyển tiền Đô la M2 cho Q tổng số tiền 3.500 Đô la Mỹ để đổi ra tiền Việt Nam nhưng Quang chuyển lại chỉ có 800 Đô la Mỹ số tiền còn lại khoảng 60.500.000 đồng Q chưa chuyển” nghe xong V nói “Thôi cũng quen biết không à, để sáng mai đi nói chuyện với ông T12 là chú rể nhà của Q để nói với Q coi sao”, N đồng ý và xin số tài khoản ngân hàng của V để chuyển tiền cà phê cho V.

Khoảng 07 giờ ngày 13/02/2023, V thấy trong tin nhắn Zalo có hình N chụp gửi qua xác định đã chuyển cho V số tiền 2.000.000 đồng. Đến 08 giờ cùng ngày, N điện thoại cho V hỏi “Có ở dưới quê không, em và anh đi qua nhà Q để nói chuyện”, V trả lời “Thôi ghé nhà trọ Vườn X đi rồi đi vào nhà Q nói chuyện luôn”. N điều khiển xe mô tô hiệu Vision, biển số kiểm soát 95D1-201.41 đến nhà trọ V1 để gặp V nói chuyện, V điện thoại cho Q nhưng không được nên V cùng N đến nhà Q thì gặp ông Đào Quốc K là cha ruột của Q, V và

N nói chuyện mâu thuẫn tiền bạc với Q và kêu ông K điện nói chuyện với Q để giải quyết, ông K điện thoại cho Q không được, sau đó V và Nghĩa quay về quán cà phê tiếp tục ngồi nói chuyện.

Q điều khiển xe ô tô biển số 95A- 076.19 chở theo Phạm Huỳnh Hữu T1, Nguyễn Nhựt T và Lê Hải Đ1 đi từ thành phố Cần Thơ về thị trấn C để gặp N giải quyết mâu thuẫn, trên đường đi, Quang điện thoại cho N, N bắt máy mở loa ngoài cho Văn nghe, Q chửi “Đụ má mày qua tới nhà tao kiếm tao luôn hả”. Nghĩa tắt điện thoại, khoảng 05 phút sau V điện thoại cho Q hỏi tiền bạc sao vậy, Q trả lời “Tiền bạc chuyển đủ hết rồi còn đòi gì nữa”. Lúc này, một trong các bị cáo đi cùng xe với Q giật điện thoại và chửi V “Đụ má mày, mày là Văn cầu kết nghĩa phải không”. V trả lời “Tao nè”, người này nói tiếp “Đụ má mày Văn học trường Phương N4 đúng không, chém tụi bây chết mẹ hết luôn”, sau đó tắt máy.

V và N quay lại nhà nghỉ, Q tiếp tục điện thoại cho N mở loa ngoài, Q nói “Đụ má tụi bây đang ở đâu, ở quán nào H Phỏ hay ở đâu cho cái hẹn đi, tao đang trên Cần Thơ chạy về nè”. V nói “Mày chạy về đây nói chuyện với tao hay đánh tao mà mày chửi thấy ghê vậy”. Q trả lời “Chạy về nói chuyện, tao cho tụi bây 20 phút không ra tao vô nhà đốt nhà chết mẹ tụi bây luôn”. Q điều khiển xe đến nhà gặp và nói chuyện với Nguyễn Châu T8 (T14 gọi khác Bé B1), lúc này Lê Hoàng D đang có mặt tại nhà của T8, Q rủ D đi xuống thị trấn C để uống cà phê mục đích là đi gặp N để giải quyết mâu thuẫn, D đồng ý.

Q chở T1, T, D và Đ1 đến quán C2 ở ấp M, thị trấn C để gặp N. Dư điện thoại cho Nguyễn Văn N3 rủ N3 xuống quán NiNi uống cà phê và đi công chuyện, N3 hiểu là đi đánh nhau nên đồng ý. Nguyễn điện cho Nguyễn Phát T9 qua Facebook, rủ T9 đến quán cà phê gần nhà N3 đi công chuyện tức là đi đánh nhau, T9 đồng ý.

T9 đến quán thì gặp N3, Nguyễn Văn T4 và Huỳnh Ngọc M1 đang uống cà phê với N3. T4 và M1 đi lấy cái giỏ đựng bên trong giỏ có 01 cây rựa, 01 cây dao (Chặt mía) và 01 cây đao (Đao cá sấu). Sau đó, N3 kêu cả nhóm đi xuống thị trấn C uống cà phê và đi công chuyện tức là đi đánh nhau, hỗ trợ cho D, cả nhóm đều đồng ý.

Tại thị trấn C, nhóm của Q vào quán C2 và ngồi 02 bàn: Bàn thứ nhất gồm N3, T9, T4, M1, phía dưới bàn có để giỏ đựng bên trong có hung khí; Bàn thứ 02 có Đ1, T, T1, D và Q. Trong lúc ngồi uống cà phê, Quang điện t chửi thề

và đòi đốt nhà Văn và bị cáo N, khi nói chuyện điện thoại xong Q nói với cả nhóm “Lát tụi nó ra nói chuyện nếu không được thì cầm hung khí ra thủ” thì cả nhóm đồng ý.

V kể hết mọi chuyện cho Á nghe, cùng lúc này Quang điện thoại lại nói “Đụ má tụi bây ra tới C chưa”. V nói “Chưa đang kiểm xe đi”. Q điện thoại cho N và nói “Đụ mẹ tao ở đang ở quán N5, tao cho tụi mày 10 phút chạy ra, nếu không tao vô đốt nhà tụi mày”. Á lấy điện thoại của N nói lại: “Mày cứ ở đó đi tao ra tới liền nè, mày cho địa chỉ đi tao ra liền”. Nói xong V điều khiển xe chở N (Xe của N) và Á đi trước, T12 điều khiển xe mô tô hiệu Sonic (Xe T12 mượn không xác định biển số kiểm soát) đi theo sau, T12 đem theo dao Thái Lan cất giấu trong áo khoác, Á hỏi V đem đồ gì không (Tức là có đem theo hung khí không). Bị cáo Văn nói “Khỏi ra nói chuyện mà khỏi đi”, V hỏi Á “Bạn có tính đem theo hung khí không”, Á trả lời “Không”, trên đường đi, Q tiếp tục điện thoại cho N nhưng Á giật lấy điện thoại nghe và nói “Tao Á nè”. Q nói “Tao không biết Á là thằng nào, cho tụi mày thêm 05 phút nữa không ra chém chết mẹ tụi mày”.

Cả nhóm tiếp tục điều khiển xe đến nhà ngoại của Á (Đối diện Bệnh viện huyện P) gần cửa quẹo Bệnh viện P. Á hỏi V “Có dao Thái Lan không”. V đưa cho Á cây dao Thái Lan bị gãy mũi, Á không lấy. Ái qua xe chở T12, V chở N đến quán C2. Khi đến quán, Á đậu xe trước cửa quán, sau đó đi lại bàn nơi Q đang ngồi, dùng tay đánh vào vùng mặt Q 01 cái, T12 lấy dao Thái Lan cầm trên tay. Thật, T, Đ1 cầm ghế chạy đến đánh Á. Á bỏ chạy ra cửa quán thì bị vấp té, Đ1 và T sử dụng ghế đánh trúng nhiều cái vào người Á. Lúc này, N3, M1, T9, T4 lao vào đánh nhau với nhóm của Á. Nguyên cầm cây đao, M1 cầm cây rựa, T9 cầm dao rựa chém nhóm của Á, D cầm dao Thái Lan đâm từ trên xuống trúng vào người của Á nhiều nhất. T9 cầm dao rựa V nhưng không trúng. D giật lấy cây đao trên tay của T9 định chém V nhưng bị Q giật lấy cây đao trên tay của D và nói “Bữa nay chém chết mẹ thằng V cho tao”. Q cầm dao chém vào lưng của V nhưng không trúng, hai nhóm đánh nhau được khoảng 02 phút thì nhóm của Á bỏ chạy.

Sau đó nhóm của Q ra xe về, N3 đưa cây đao cho mọi người trên xe cất giữ. Cả nhóm chạy đến Trạm y tế xã H và để băng bó vết thương cho T, sau đó cả nhóm ra về, T9 mang hung khí về nhà cất giấu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 50/23/TgT ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh H kết luận đối với Phạm Bùi Quang Á:

1. Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định:

- Đa vết thương và vết phẫu thuật.
- Đứt động mạch liên sườn.
- Thủng thùy dưới phổi phải (Rối loạn thông khí mức độ nhẹ).
- Gãy mỏm khuỷu tay phải, đứt nhánh thần kinh trụ phải.

2. Kết luận:

2.1 Tỷ lệ phần trăm thương tích từng vết thương:

- Vết thương ngực phải cạnh xương ức gây tổn hại đến sức khỏe hiện tại. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 01% (Một phần trăm).

- Vết dẫn lưu đường nách giữa khoảng liên sườn III gây tổn hại đến sức khỏe hiện tại. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 01% (Một phần trăm).

- Vết mổ mở rộng vết thương khoảng liên sườn VI bên phải (đứt động mạch liên sườn + thủng thùy dưới phổi phải) gây tổn hại đến sức khỏe hiện tại. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 18% (Mười tám phần trăm);

- Vết thương khuỷu tay phải gây tổn hại đến sức khỏe hiện tại. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 22% (Hai mươi hai phần trăm);

2.2. Tổng tỷ lệ phần trăm thương tích gây tổn hại đến sức khỏe hiện tại. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 37% (Ba mươi bảy phần trăm).

2.3. Vật gây ra thương tích:

- 02 vết thương ngực do vật sắc nhọn gây nên.
- Vết thương khuỷu tay phải do vật sắc bén gây nên.

2.4. Vị trí bị gây thương tích có phải là vùng trọng yếu hay không? Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT thì không có mục xác định vùng trọng yếu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2024/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đào Minh Q, Nguyễn Nhựt T, Phạm Huỳnh Hữu T1, Nguyễn Văn T4, Lê Hoàng D, Nguyễn Văn N3, Lê Hải Đ1, Huỳnh Ngọc M1, Nguyễn Phát T9 phạm tội “Cố ý gây thương tích”; các bị cáo Nguyễn Thanh N, Phạm Bùi Quang Á, Huỳnh Phước T12, Đinh Hoàng V phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” .

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 3; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đào Minh Q 03 (Ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án (Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 17 tháng 7 năm 2023).

2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 3; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án (Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023).

3. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 3; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Huỳnh Hữu T1 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án (Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023).

4. Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 3; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án. (Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09 tháng 7 năm 2023 đến ngày 07 tháng 9 năm 2023).

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Văn T4, Lê Hoàng D, Nguyễn Văn N3, Lê Hải Đ1, Huỳnh Ngọc M1, Nguyễn Phát T9, Phạm Bùi Quang Á, Huỳnh Phước T10, Đinh Hoàng V, tuyên về phần trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/01/2024, bị cáo Nguyễn Thanh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

Ngày 19/01/2024, bị cáo Nguyễn Nhựt T kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 19/01/2024, bị cáo Đào Minh Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 24/01/2024, bị cáo Phạm Huỳnh Hữu T1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 07/6/2024, bị cáo Đào Minh Q có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, cùng ngày Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang ra thông báo về việc rút kháng cáo và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2024/HSPT-QĐ đối với bị cáo

Đào Minh Q.

Quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án:

Đối với bị cáo Đào Minh Q trước khi mở phiên tòa đã có đơn rút toàn bộ kháng cáo nên không xem xét.

Đối với các bị cáo T, T1 phạm tội lần đầu, không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội cũng như gây thương tích cho bị hại, tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, đã tự nguyện bồi thường khắc phục cho bị hại, bị cáo T có ông bà có tham gia cách mạng, có thành tích tham gia chống dịch Covid, các bị cáo T, T1 được mẹ bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị hại cũng có lỗi, với các tình tiết giảm nhẹ trên và tính chất, mức độ phạm tội của hai bị cáo xét thấy hai bị cáo có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú rõ ràng được xác nhận của chính quyền địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, Thật, cho các bị cáo được hưởng án treo, giao cho Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đối với bị cáo N mức án 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có cung cấp thêm tình tiết nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 355, 356, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/7/2023 đến ngày 07/9/2023.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Huỳnh Hữu T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt T 02 (hai) năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, quận

C, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Tại phiên tòa các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo để các bị cáo phụ giúp gia đình, làm người công dân có ích cho xã hội.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã thấy được sai phạm, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện, thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đào Minh Q, Nguyễn Nhựt T, Phạm Huỳnh Hữu T1, Nguyễn Thanh N có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo làm và nộp trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Đào Minh Q có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy nội dung kháng cáo của bị cáo không liên quan đến kháng cáo khác, căn cứ Điều 342, khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang ra thông báo về việc rút kháng cáo và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2024/HSPT-QĐ đối với bị cáo Đào Minh Q.

[3] Qua kết quả tranh tụng, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Nhựt T, Phạm Huỳnh Hữu T1, Nguyễn Thanh N vẫn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản án sơ thẩm đã quy kết. Xét thấy, nguyên nhân xuất phát do mâu thuẫn giữa bị cáo N với bị cáo Q về việc bị cáo Q chưa trả đủ số tiền 2.700 USD mà bị cáo N đã chuyển cho bị cáo Q trước đó nên cả hai hện gặp mặt nhau để giải quyết mâu thuẫn. Tại quán C2, địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang nhóm bị cáo Q cùng T1, T, Đ1, D, N3, T9, T4 và M1 đã sử dụng dao đâm, chém vào người bị hại Phạm Bùi Quang Á gây thương tích với tỷ lệ là 37%. Hành vi của các bị cáo Q, T1, T đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với nhóm bị cáo Nguyễn Thanh N cùng với Phạm Bùi Quang Á, Huỳnh Phước T12 và Đinh Hoàng V có hành vi tụ tập, rượt đuổi đánh nhau tại quán C2 là khu vực đông người, làm cho người dân nơi đây hoang mang, lo sợ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi này của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Nhựt T, Phạm Huỳnh Hữu T1. Hội đồng xét xử xét thấy, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng như: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo T có thân nhân có công với cách mạng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đã vận dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo bị cáo T1 02 năm 06 tháng tù, bị cáo T 02 năm tù là không nặng, dưới mức khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T có cung cấp thêm Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H có thành tích đột xuất trong phòng trào phòng, chống tội phạm, các bị cáo được mẹ của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là đã thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo nên việc các bị cáo kháng cáo cũng như đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa của bị cáo T đề nghị cho các bị cáo T, T1 được hưởng án treo là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh N, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt 06 tháng tù là tương xứng. Bị cáo kháng cáo có cung cấp đơn xin xác nhận có ông dưỡng Lê Văn T15 là liệt sỹ, tuy nhiên với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xử phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại

điện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N; không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho các bị cáo T, T1 hưởng án treo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Nhựt T, Phạm Huỳnh Hữu T1, Nguyễn Thanh N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Nhựt T, Phạm Huỳnh Hữu T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” .

1. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 3; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt T 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023.

2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 3; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Huỳnh Hữu T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 318; Điều 3; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09 tháng 7 năm 2023 đến ngày 07 tháng 9 năm 2023.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Nhựt T, Phạm Huỳnh Hữu T1, Nguyễn Thanh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Bích Hạnh

Võ Hoàng Khải

Phạm Hoàng Lâm